

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN MÔN TOÁN (ĐỢT 1)

ST T	Số báo danh	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh		X. loại lớp 9		XL TN	NV1	NV2	Điểm KK (nếu có)	Điểm thi				Tổng điểm thi	Điểm TB	Ghi chú (Điện KK)
					(Huyện (Quận), tỉnh (thành phố))	Học lực	Hạnh kiểm	Môn		Môn	Văn		Toán	Tiếng Anh	Môn Chuyên				
1	T A 0880	Trương Kiều	Trinh	24/11/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Toán	T.Anh	2.0	8.250	10.000	9.100	9.750	48.850	9.77	Nhất Toán	
2	T A 0060	Lê Văn	Cảnh	26/06/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Toán	T.Anh	1.5	8.000	9.500	7.100	9.250	44.600	8.92	Nhì Toán	
3	T A 0819	Nguyễn Kim	Tiến	23/01/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Toán	T.Anh	2.0	7.000	9.500	9.100	8.000	43.600	8.72	Nhất Toán	
4	T K 0773	Đặng Ngọc Đăng	Thư	25/08/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Toán	/	1.0	6.750	9.750	7.700	8.500	42.200	8.44	Ba Toán	
5	T A 0412	Nguyễn Thị Mỹ	Loan	24/06/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Toán	T.Anh	1.0	7.500	10.000	8.200	7.500	41.700	8.34	Ba Toán	
6	T A 0113	Nguyễn Đức Anh	Dũng	28/08/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Toán	T.Anh	1.0	6.750	9.250	7.000	8.750	41.500	8.30	Ba Toán	
7	T K 0543	Cao Khánh	Nhật	02/04/1995	Krông Năng - Đăk Lăk	Giỏi	Tốt	Giỏi	Toán	/	1.5	5.000	9.750	5.800	9.500	41.050	8.21	Nhì toán	
8	T H 0920	Cù Thanh	Tuyền	29/10/1995	Pleiku- Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Toán	Hóa	1.5	6.500	10.000	7.900	8.250	40.900	8.18	Nhì Hóa	
9	T A 0707	Mã Quảng	Thắng	13/07/1995	Cư Mngá - ĐăkLăk	Giỏi	Tốt	Giỏi	Toán	T.Anh	1.0	4.000	9.000	7.700	9.250	40.200	8.04	Ba Toán	
10	T A 0701	Trần Minh	Tân	19/09/1995	Phú Vang - Huế	Giỏi	Tốt	Giỏi	Toán	T.Anh	1.5	4.500	10.000	8.300	7.750	39.800	7.96	Nhì Toán	
11	T L 0980	Nguyễn Quang	Vũ	12/10/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Toán	Lý		4.750	10.000	6.600	9.000	39.350	7.87		
12	T K 0983	Tôn Thất	Vũ	30/09/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Toán	/		5.500	9.750	8.600	7.750	39.350	7.87		
13	T A 0851	Man Thị Thu	Trang	19/06/1995	Tuy Phước - BĐịnh	Giỏi	Tốt	Giỏi	Toán	T.Anh		7.500	9.250	8.500	7.000	39.250	7.85		
14	T H 0195	Dương Thị Như	Hải	06/02/1995	KrôngPa - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Toán	Hóa	1.0	4.750	8.750	7.700	8.500	39.200	7.84	Ba Toán	
15	T K 0298	Nguyễn Đình	Hưng	19/08/1995	Thọ Xuân - Thanh Hóa	Giỏi	Tốt	Giỏi	Toán	/		4.750	9.500	7.100	8.750	38.850	7.77		
16	T L 0149	Đoàn Đình	Đăng	12/05/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Toán	Lý		7.250	9.500	7.500	7.250	38.750	7.75		
17	T L 0357	Nguyễn Hiền Trung	Kiên	08/08/1995	ChưPăh - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Toán	Lý		4.500	9.500	7.200	8.750	38.700	7.74		
18	T A 0309	Ninh Thị Hoa	Hường	22/10/1995	Hải Hậu - Nam Định	Giỏi	Tốt	Giỏi	Toán	T.Anh		7.000	9.000	8.100	7.250	38.600	7.72		
19	T L 0758	Nghiêm Thế	Thông	11/12/1995	AyunPa - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Toán	Lý	1.0	4.500	8.750	6.600	8.750	38.350	7.67	Ba Toán	
20	T L 0798	Đỗ Thị	Thùy	07/08/1995	Kbang - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Toán	Lý	1.0	4.500	9.500	7.800	7.750	38.300	7.66	Ba Toán	
21	T H 0124	Trần Thị Quỳnh	Dương	03/02/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Toán	Hóa	1.5	5.500	10.000	6.700	7.250	38.200	7.64	nhì Toán	
22	T L 0519	Lê Nhật	Nguyên	16/10/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Toán	Lý		5.250	9.250	8.000	7.750	38.000	7.60		
23	T H 0517	Hoàng Anh	Nguyên	24/12/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Toán	Hóa		4.750	9.750	7.100	8.000	37.600	7.52		
24	T H 0356	Nguyễn Đăng	Kiên	29/05/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Toán	Hóa		5.500	9.750	8.300	7.000	37.550	7.51		
25	T L 0018	Nguyễn Ngọc	Anh	28/10/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Toán	Lý		5.500	8.750	7.000	8.000	37.250	7.45		
26	H T 0281	Đinh Thị Khánh	Hồng	22/12/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Hóa	Toán		7.000	9.750	7.900	6.250	37.150	7.43		
27	T H 0906	Nguyễn Đoàn	Tuấn	27/09/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Toán	Hóa		5.250	9.000	7.600	7.500	36.850	7.37		
28	T A 0091	Nguyễn Ngọc	Diệp	02/02/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Toán	T.Anh	1.5	5.500	8.500	6.300	7.500	36.800	7.36	Nhì toán	

29	T H 0419	Nguyễn Việt Long	08/11/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Toán	Hóa		4.500	10.000	6.500	7.750	36.500	7.30	
30	T L 0487	Nguyễn Trung Nghĩa	10/04/1995	Tuyên Hóa, Quảng Bình	Giỏi	Tốt	Giỏi	Toán	Lý		5.750	6.250	8.400	8.000	36.400	7.28	
31	T K 0782	Lê Trịnh Ái Thương	03/01/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Toán	/		5.500	9.750	7.600	6.750	36.350	7.27	
32	T A 0212	Lưu Thị Hằng	26/02/1995	Phù Mỹ, Bình Định	Giỏi	Tốt	Giỏi	Toán	T.Anh		7.000	7.000	6.300	8.000	36.300	7.26	
33	T V 0035	Trần Thị Như Ánh	15/11/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Toán	Văn		6.250	9.000	7.100	6.750	35.850	7.17	
34	T A 0436	Lê Thị Thanh Mai	23/09/1995	Thái Bình	Giỏi	Tốt	Giỏi	Toán	T.Anh		6.500	8.500	7.300	6.750	35.800	7.16	
35	T L 0360	Lê Duy Anh Kiệt	19/10/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Toán	Lý		6.500	10.000	6.700	6.250	35.700	7.14	
36	A T 0140	Lục Thị Mỹ Duyên	06/02/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	T.Anh	Toán		6.500	9.000	7.700	6.250	35.700	7.14	
37	T H 0159	Lê Hữu Đình	04/06/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Toán	Hóa		5.250	7.750	7.600	7.500	35.600	7.12	
38	T A 0126	Cao Tiến Duy	07/01/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Toán	T.Anh		4.250	9.500	6.300	7.750	35.550	7.11	
39	T H 0027	Phan Thị Châu Anh	04/09/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Toán	Hóa		5.250	9.000	7.700	6.750	35.450	7.09	
40	T H 0813	Vũ Thị Khánh Tiên	14/08/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Toán	Hóa		5.500	8.750	8.200	6.500	35.450	7.09	
41	T K 0518	Lê Hữu Nguyên	12/04/1995	Kbang - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Toán	/	1.0	4.750	10.000	5.500	7.000	35.250	7.05	Ba Toán
42	T K 0331	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	17/08/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Toán	/		4.750	9.000	8.000	6.750	35.250	7.05	
43	T A 0613	Trần Nguyễn Thành Phát	13/04/1995	Pleiku - Gia Lai	Khá	Tốt	Khá	Toán	T.Anh		4.250	9.750	8.700	6.250	35.200	7.04	
44	T L 0619	Lương Đình Phú	04/12/1995	Pleiku - Gia Lai	Khá	Tốt	Khá	Toán	Lý	1.5	5.250	9.500	6.400	7.000	35.150	7.03	Nhì Lý
45	A T 0678	Trần Bảo Quỳnh	07/03/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	T.Anh	Toán		6.000	8.000	8.700	6.000	34.700	6.94	
46	T A 0010	Đoàn Lê Quỳnh Anh	28/01/1995	Mang Yang - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Toán	T.Anh		5.000	8.250	7.200	7.000	34.450	6.89	
47	T K 0761	Vũ Ngọc Thông	16/09/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Toán	/		7.000	8.250	6.200	6.500	34.450	6.89	
48	T H 0658	Trương Thị Hồng Quý	12/06/1995	ChưPăh - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Toán	Hóa		5.000	7.500	7.400	7.250	34.400	6.88	
49	H T 0354	Đào Chí Kiên	12/03/1995	Đắc Hà - Kon Tum	Giỏi	Tốt	Giỏi	Hóa	Toán		5.000	8.000	8.000	6.250	33.500	6.70	
50	T L 0168	Trần Việt Đức	02/07/1995	An Khê - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Toán	Lý		5.750	8.000	7.600	6.000	33.350	6.67	
51	T H 0775	Nguyễn Thị Hiệp Thuận	27/03/1995	Đức Trọng-Lâm Đồng	Giỏi	Tốt	Giỏi	Toán	Hóa		5.250	9.500	5.800	6.250	33.050	6.61	
52	T K 0231	Trần Công Hậu	10/10/1995	Tây Sơn-Bình Định	Giỏi	Tốt	Giỏi	Toán	/	1.0	4.500	7.500	5.100	7.250	32.600	6.52	Ba Toán
53	T H 0399	Nguyễn Mỹ Linh	11/11/1995	Quy Nhơn - Bình Định	Giỏi	Tốt	Giỏi	Toán	Hóa		5.250	8.250	6.500	6.250	32.500	6.50	
54	T K 0582	Hoàng Thị Hồng Nhung	06/10/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Toán	/		4.000	9.250	6.600	6.250	32.350	6.47	
55	T V 0475	Huỳnh Hạ Kim Ngân	08/06/1995	Mộ Đức - Quảng Ngãi	Giỏi	Tốt	Giỏi	Toán	Văn		6.500	7.000	6.800	6.000	32.300	6.46	
56	T H 0930	Huỳnh Thị Tô Uyên	27/04/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Toán	Hóa		5.500	7.250	7.100	6.000	31.850	6.37	
57	H T 0129	Mai Vũ Duy	01/10/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Hóa	Toán		4.500	9.000	6.100	6.000	31.600	6.32	
58	T H 0273	Nguyễn Minh Hoàng	25/12/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Toán	Hóa		4.500	8.250	6.300	6.250	31.550	6.31	
59	T A 0887	Trần Anh Trung	21/02/1995	Hương Sơn - Hà Tĩnh	Khá	Tốt	Khá	Toán	T.Anh		4.250	7.000	7.200	6.500	31.450	6.29	
60	T S 0689	Phạm Văn Sơn	15/02/1995	Phú Thiện - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Toán	Sinh		5.500	7.250	5.000	6.500	30.750	6.15	
61	T L 0686	Lê Hoàng Sơn	16/08/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Toán	Lý		4.000	6.500	5.600	7.000	30.100	6.02	
62	T L 0443	Trần Hải Mạnh	02/09/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Toán	Lý		4.750	6.250	7.000	6.000	30.000	6.00	
63	T K 0441	Nguyễn Tiến Mạnh	21/08/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Toán	/		5.000	6.250	6.700	6.000	29.950	5.99	
64	T L 0355	Đình Gia Kiên	12/11/1995	Ỡ Yên-Nam Định	Giỏi	Tốt	Giỏi	Toán	Lý		5.000	7.750	4.200	6.250	29.450	5.89	

65	T K 0904	Nguyễn Anh Tuấn	29/10/1995	Ajunpa - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Toán	/		4.000	7.750	5.000	6.250	29.250	5.85	
66	T H 0889	Bùi Quang Trường	28/03/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Toán	Hóa		4.250	7.000	5.700	6.000	28.950	5.79	
67	T L 0080	Trần Ngọc Quốc Cường	16/03/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Toán	Lý		4.750	5.500	5.800	6.000	28.050	5.61	

Tổng cộng danh sách này có 67 học sinh

DUYỆT CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Pleiku, ngày 12 tháng 07 năm 2010

HIỆU TRƯỞNG

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN MÔN LÝ (ĐỢT 1)

ST T	Số báo danh	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh		X. loại lớp 9		XL TN	NV1	NV2	Điểm KK (nếu có)	Điểm thi				Tổng điểm thi	Điểm TB	Ghi chú (Điện KK)
					(<i>Huyện (Quận), tỉnh (thành phố)</i>)	Học lực	Hành kiểm	Môn		Môn	Văn		Toán	Tiếng Anh	Môn Chuyên				
1	L T 0901	Hoàng Ngọc	Tuấn	08/02/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Lý	Toán	1.5	5.000	9.250	7.700	10.000	43.450	8.69	Nhì Lý	
2	H L 0321	Phạm Gia	Huy	27/07/1995	Kon Tum	Giỏi	Tốt	Giỏi	Hóa	Lý		5.250	9.750	8.700	8.750	41.200	8.24		
3	L A 0936	Nguyễn Trần Phương	Uyên	19/03/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Lý	T.Anh	1.0	7.000	8.000	9.200	8.000	41.200	8.24	Ba Lý	
4	L A 0453	Đỗ Thị Kiều	My	04/12/1995	An Khê - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Lý	T.Anh	1.0	5.750	8.250	8.500	8.750	41.000	8.20	Ba Lý	
5	L T 0322	Phan Khánh	Huy	15/04/1995	Kbang - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Lý	Toán	1.5	5.250	9.000	7.100	8.750	40.350	8.07	Nhì Lý	
6	T L 0059	Trần Ngọc	Cầm	19/04/1995	Tuy Phước - BĐịnh	Giỏi	Tốt	Giỏi	Toán	Lý		5.750	8.000	7.900	9.000	39.650	7.93		
7	L H 0928	Dương Hạ	Uyên	03/11/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Lý	Hóa		6.750	6.500	7.800	8.750	38.550	7.71		
8	L Đ 0698	Nguyễn Thị Minh	Tâm	20/08/1995	Mang Yang - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Lý	Địa		6.000	9.000	8.000	7.500	38.000	7.60		
9	L V 0541	Trần Mai Hoài	Nhân	28/10/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Lý	Văn	1.5	8.000	7.000	7.800	7.250	37.300	7.46	Nhì Văn	
10	A L 0155	Nguyễn Chu Đức	Đạt	05/09/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	T.Anh	Lý		7.000	9.250	7.600	6.500	36.850	7.37		
11	L H 0869	Lê Vũ	Triệt	01/01/1995	Bình Sơn - Quảng Ngãi	Giỏi	Tốt	Giỏi	Lý	Hóa		5.250	9.750	6.800	7.500	36.800	7.36		
12	A L 0158	Hồ Thị Ngọc	Điệp	25/08/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	T.Anh	Lý		7.000	7.750	9.000	6.250	36.250	7.25		
13	L T 0078	Nguyễn Mạnh	Cường	11/10/1994	Hà Trung - Thanh Hóa	Giỏi	Tốt	Giỏi	Lý	Toán		4.500	7.250	7.700	8.250	35.950	7.19		
14	L T 0659	Vũ Văn	Quý	04/08/1995	Kôngchro - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Lý	Toán		6.000	6.750	7.800	7.500	35.550	7.11		
15	L Đ 0762	Bùi Thị Minh	Thu	09/09/1995	ChưPrông - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Lý	Địa		6.000	6.250	6.400	8.250	35.150	7.03		
16	L T 0817	Ngô Văn	Tiến	11/01/1995	Đắc Đoa - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Lý	Toán	1.0	5.750	9.000	6.800	6.250	35.050	7.01	ba Lý	
17	L H 0525	Nguyễn Trung	Nguyên	14/04/1995	Kbang - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Lý	Hóa		5.750	7.500	5.800	7.750	34.550	6.91		
18	T L 1004	Cao Thị	Yến	16/10/1995	Iagrai - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Toán	Lý		7.750	7.000	5.600	6.500	33.350	6.67		
19	L S 0128	Lê Thanh	Duy	22/03/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Lý	Sinh		4.500	6.000	6.100	8.250	33.100	6.62		
20	L V 0764	Lê Thị	Thu	21/12/1995	Iagrai - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Lý	Văn		8.000	5.750	4.800	7.000	32.550	6.51		
21	L S 0314	Nguyễn	Huy	28/03/1995	Mang Yang - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Lý	Sinh		4.500	5.250	5.600	8.500	32.350	6.47		
22	L A 0002	Nguyễn Hoàng Văn	An	21/11/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Lý	T.Anh		4.000	6.500	6.800	7.250	31.800	6.36		
23	T L 0699	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	28/12/1995	Iagrai - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Toán	Lý		4.000	9.250	6.500	6.000	31.750	6.35		
24	L T 0892	Trần Xuân	Trường	16/01/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Lý	Toán		6.250	7.000	4.700	6.750	31.450	6.29		
25	L A 0110	Bùi Quốc	Dũng	28/09/1995	ChưPăh - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Lý	T.Anh		4.000	5.750	5.400	8.000	31.150	6.23		
26	L T 0883	Nguyễn Mạnh Quốc	Trung	08/05/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Lý	Toán		4.000	6.750	4.800	7.750	31.050	6.21		
27	A L 0232	Văn Thị Minh	Hậu	21/06/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	T.Anh	Lý		6.000	5.250	7.300	6.250	31.050	6.21		
28	L T 0692	Nguyễn Hữu	Tài	21/11/1995	Thạch Hà - Hà Tĩnh	Giỏi	Tốt	Giỏi	Lý	Toán		6.500	5.000	6.400	6.500	30.900	6.18		

29	A L 0169	Phan Ngọc	Đường	20/10/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	T.Anh	Lý		5.750	6.250	6.800	6.000	30.800	6.16	
30	L T 0342	Nguyễn Đình	Khang	23/02/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Lý	Toán		4.250	6.750	5.000	7.250	30.500	6.10	
31	L A 0503	Nguyễn Thị Phương	Ngọc	16/09/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Lý	T.Anh		4.500	4.250	6.600	7.500	30.350	6.07	
32	T L 0976	Đỗ Hoàng	Vũ	15/02/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Toán	Lý		5.250	7.000	5.900	6.000	30.150	6.03	
33	L V 0368	Đỗ Thị	Lan	24/04/1995	Đắc Đoa - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Lý	Văn		6.250	7.250	4.200	6.000	29.700	5.94	
34	L K 0655	Cao Nguyễn Minh	Quốc	11/05/1995	Pleiku - Gia Lai	Khá	Tốt	Khá	Lý	/		4.000	5.750	5.700	7.000	29.450	5.89	
35	L A 0440	Trần Thị Thanh	Mai	19/08/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Lý	T.Anh		4.500	6.000	6.900	6.000	29.400	5.88	
36	L B 0170	Hồ Lê Nam	Giang	30/11/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Lý	Sử		4.750	5.750	5.600	6.500	29.100	5.82	
37	L K 1003	Lê Nguyễn Như	Ý	28/01/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Lý	/		4.000	5.250	6.800	6.000	28.050	5.61	
38	L K 0076	Lê Đình	Cường	19/07/1995	Mang Yang - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Lý	/		4.750	5.750	5.000	6.250	28.000	5.60	
39	L T 0900	Bùi Thành	Tự	09/05/1995	Mộ Đức - Quảng Ngãi	Khá	Tốt	Khá	Lý	Toán		5.000	4.500	6.000	6.000	27.500	5.50	
40	L T 0417	Nguyễn Lê Thành	Long	07/10/1995	Pleiku - Gia Lai	Khá	Tốt	Khá	Lý	Toán		4.500	6.750	4.000	6.000	27.250	5.45	
41	A L 0950	Nguyễn Thúy	Vân	12/12/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	T.Anh	Lý		5.250	4.500	5.200	6.000	26.950	5.39	
42	H L 0014	Lưu Nguyễn Hồng	Anh	12/12/1995	ChưPrông - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Hóa	Lý		4.750	4.000	4.500	6.000	25.250	5.05	

Tổng cộng danh sách này có 42 học sinh
DUYỆT CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Pleiku, ngày 12 tháng 07 năm 2010
HIỆU TRƯỞNG

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN MÔN HÓA (ĐỢT 1)

ST T	Số báo danh	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh		X. loại lớp 9		XL TN	NV1	NV2	Điểm KK (nếu có)	Điểm thi				Tổng điểm thi	Điểm TB	Ghi chú (Điện KK)
					(Huyện (Quận), tỉnh (thành phố))	Học lực	Hạnh kiểm	Môn		Môn	Văn		Toán	Tiếng Anh	Môn Chuyên				
1	H A 0279	Trần Kiều	Hoanh	25/03/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Hóa	T.Anh	1.5	7.500	8.500	8.900	9.500	45.400	9.08	Nhì Hóa	
2	A H 0704	Lê Nhật	Tân	29/09/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	T.Anh	Hóa		6.250	9.750	9.100	8.375	41.850	8.37		
3	H T 0382	Đặng Diệu	Linh	16/09/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Hóa	Toán	1.0	6.500	9.000	8.600	8.250	41.600	8.32	Ba Hóa	
4	H A 0030	Võ Thị Phương	Anh	06/05/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Hóa	T.Anh	1.0	5.250	8.500	8.400	9.125	41.400	8.28	Ba Hóa	
5	H K 0009	Đỗ Thị Quỳnh	Anh	05/04/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Hóa	/	1.5	6.250	8.500	8.200	8.375	41.200	8.24	Nhì Hóa	
6	H T 0043	Nguyễn Quốc	Bào	21/10/1994	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Hóa	Toán		5.500	9.250	7.400	9.250	40.650	8.13		
7	H S 0922	Nguyễn Trương Băng	Tuyền	16/11/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Hóa	Sinh	1.0	6.250	5.750	8.500	9.375	40.250	8.05	Ba Hóa	
8	H A 0242	Phạm Thị Minh	Hiền	14/02/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Hóa	T.Anh		6.500	7.500	7.700	8.625	38.950	7.79		
9	H A 0344	Nguyễn Hoàng Nhật	Khánh	16/03/1995	Hoài Nhơn - Bình Định	Giỏi	Tốt	Giỏi	Hóa	T.Anh		7.000	8.000	8.200	7.875	38.950	7.79		
10	H A 0082	Võ Duy	Cường	01/06/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Hóa	T.Anh		6.500	7.000	8.700	8.000	38.200	7.64		
11	H S 0270	Hồ Nguyễn Huy	Hoàng	19/02/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Hóa	Sinh	1.0	5.000	5.750	7.800	9.250	38.050	7.61	Ba Hóa	
12	A H 0810	Nguyễn Hà	Tiên	24/02/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	T.Anh	Hóa		7.750	9.000	8.500	6.375	38.000	7.60		
13	H T 0223	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	10/11/1994	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Hóa	Toán		6.750	6.750	6.700	8.875	37.950	7.59		
14	H T 0287	Hà Thị Kim	Huê	16/01/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Hóa	Toán		6.500	7.000	8.800	7.250	36.800	7.36		
15	H A 0665	Ngô Thị Ái	Quyên	03/01/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Hóa	T.Anh		5.500	6.750	8.300	7.750	36.050	7.21		
16	H T 0282	Hồ Thị	Hồng	20/06/1995	CưMaGar - Đăk Lăk	Giỏi	Tốt	Giỏi	Hóa	Toán	1.0	7.000	6.250	6.400	7.625	35.900	7.18	Ba Hóa	
17	H K 0291	Nguyễn Trung	Hùng	22/07/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Hóa	/		5.500	4.750	6.900	9.250	35.650	7.13		
18	H S 0999	Ngô Đình Triệu	Vỹ	29/04/1995	Pleiku - Gia Lai	Khá	Tốt	Khá	Hóa	Sinh		6.250	7.500	5.200	8.250	35.450	7.09		
19	H T 0838	Đặng Thị Huyền	Trang	03/05/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Hóa	Toán		6.000	8.250	5.100	7.625	34.600	6.92		
20	H K 0451	Lê Thị Hoàng	Minh	03/02/1995	Iagrai - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Hóa	/		5.250	9.000	6.100	7.125	34.600	6.92		
21	H A 0828	Hồ Thị Ngọc	Trâm	24/04/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Hóa	T.Anh		7.250	4.500	8.800	7.000	34.550	6.91		
22	H A 0578	Bùi Thị Hồng	Nhung	02/08/1995	Thanh Oai, Hà Nội	Giỏi	Tốt	Giỏi	Hóa	T.Anh		5.750	6.250	8.400	6.875	34.150	6.83		
23	H A 0532	Võ Thị Minh	Nguyễn	29/08/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Hóa	T.Anh		5.750	6.500	8.600	6.625	34.100	6.82		
24	H S 0209	Hoàng Thị Thu	Hăng	08/06/1994	Tam Đảo, Vĩnh Phú	Giỏi	Tốt	Giỏi	Hóa	Sinh		6.750	8.000	5.800	6.625	33.800	6.76		
25	H L 0687	Nguyễn Khắc	Son	30/10/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Hóa	Lý		5.000	7.500	7.700	6.750	33.700	6.74		
26	H S 0401	Nguyễn Thị Khánh	Linh	22/07/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Hóa	Sinh		6.250	6.750	7.400	6.625	33.650	6.73		
27	H T 0705	Lê Thành	Tây	30/10/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Hóa	Toán		5.000	5.750	7.800	7.500	33.550	6.71		

28	H K 0037	Đào Thị Minh	Bảo	29/07/1995	Đông Hưng - Thái Bình	Giỏi	Tốt	Giỏi	Hóa	/	1.0	5.000	5.000	5.500	7.875	32.250	6.45	Ba Hóa
29	S H 0011	Huỳnh Thị Quỳnh	Anh	03/01/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Sinh	Hóa		6.000	5.500	6.400	7.125	32.150	6.43	
30	H T 0274	Nguyễn Việt Huy	Hoàng	27/10/1995	Chư Sê - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Hóa	Toán		5.000	7.250	4.800	7.500	32.050	6.41	
31	H K 0842	Đông Thị Thu	Trang	03/07/1995	An Khê - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Hóa	/		6.250	5.250	5.500	7.500	32.000	6.40	
32	H L 0979	Nguyễn Đoàn Anh	Vũ	20/12/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Hóa	Lý		5.750	7.250	5.900	6.500	31.900	6.38	
33	H K 0395	Lê Vũ Phương	Linh	08/02/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Hóa	/		5.500	4.250	8.300	6.875	31.800	6.36	
34	H V 0106	Võ Thị	Dung	26/11/1995	Can Lộc - Hà Tĩnh	Giỏi	Tốt	Giỏi	Hóa	Văn		5.750	4.000	5.600	8.000	31.350	6.27	
35	H T 0656	Hồ Công	Quốc	28/04/1995	An Khê - Gia Lai	Khá	Tốt	Khá	Hóa	Toán		5.000	4.500	5.400	8.000	30.900	6.18	
36	H K 0540	Phan Đình	Nhân	24/11/1995	Pleiku - Gia Lai	Khá	Tốt	Khá	Hóa	/		5.000	4.250	6.100	7.750	30.850	6.17	
37	T H 0229	Nguyễn Hải	Hậu	05/05/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Toán	Hóa		4.750	6.250	6.700	6.500	30.700	6.14	
38	H K 0175	Lê Thị	Hà	09/10/1995	Trực Ninh - Nam Định	Giỏi	Tốt	Giỏi	Hóa	/		5.500	6.500	5.700	6.500	30.700	6.14	
39	H T 0572	Nguyễn Thị Ái	Như	09/01/1995	An Nhơn - Bình Định	Giỏi	Tốt	Giỏi	Hóa	Toán		5.750	5.250	4.500	7.250	30.000	6.00	
40	H A 0530	Trương Khánh	Nguyễn	21/10/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Hóa	T.Anh		5.500	4.000	7.800	6.250	29.800	5.96	
41	H T 0151	Nguyễn Văn	Đạo	19/01/1995	Đức Cơ - Gia Lai	Khá	Tốt	Khá	Hóa	Toán	1.5	5.000	4.500	5.000	6.625	29.250	5.85	Nhì Hóa
42	H A 0431	Ngô Thị Hương	Ly	05/07/1995	Kbang - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Hóa	T.Anh		4.500	5.000	7.200	6.125	28.950	5.79	
43	H V 0289	Vũ Thị Thiên	Huệ	22/08/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Hóa	Văn		5.250	5.000	4.300	7.000	28.550	5.71	
44	H S 0724	Lê Thị Phương	Thảo	24/05/1995	Phù Mỹ - Bình Định	Giỏi	Tốt	Giỏi	Hóa	Sinh		5.500	4.750	5.500	6.375	28.500	5.70	
45	H T 0868	Huỳnh Minh	Triển	28/07/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Hóa	Toán		5.000	6.000	4.700	6.375	28.450	5.69	
46	H V 0779	Bùi Thị Hoài	Thương	22/02/1995	Bình Thanh - Hòa Bình	Giỏi	Tốt	Giỏi	Hóa	Văn		5.500	4.000	4.500	7.000	28.000	5.60	
47	H S 0723	Lê Thị Hoài	Thảo	15/11/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Hóa	Sinh		4.750	5.250	4.500	6.625	27.750	5.55	
48	H V 0285	Nguyễn Thị Ánh	Hồng	13/07/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Hóa	Văn		5.000	4.000	5.900	6.375	27.650	5.53	
49	H S 0806	Nguyễn Thị Hoàng	Thuyền	09/09/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Hóa	Sinh		5.250	4.750	5.300	6.125	27.550	5.51	
50	H Đ 0791	Hoàng Thị Hồng	Thúy	22/07/1995	Chư Prông - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Hóa	Địa		5.250	4.500	5.100	6.250	27.350	5.47	
51	H A 0261	Phạm Thị Thanh	Hoa	08/02/1995	Mang Yang - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Hóa	T.Anh		4.500	4.250	4.900	6.750	27.150	5.43	
52	H K 0856	Nguyễn Thị Hồng	Trang	25/12/1995	KrôngPa - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Hóa	/		5.500	4.000	4.800	6.000	26.300	5.26	

Tổng cộng danh sách này có 52 học sinh
DUYỆT CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Pleiku, ngày 12 tháng 07 năm 2010

HIỆU TRƯỞNG

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN MÔN SINH (ĐỢT 1)

ST T	Số báo danh	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh		X. loại lớp 9		XL TN	NV1	NV2	Điểm KK (nếu có)	Điểm thi				Tổng điểm thi	Điểm TB	Ghi chú (Điện KK)
					(Huyện (Quận), tỉnh (thành phố))	Học lực	Hạnh kiêm	Môn		Môn	Văn		Toán	Tiếng Anh	Môn Chuyên				
1	A S 0639	Trần Nguyễn Quỳnh	Phuong	23/08/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	T.Anh	Sinh		7.000	7.750	9.500	6.750	37.750	7.55		
2	A S 0993	Phạm Nguyễn Hoài	Vy	04/03/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	T.Anh	Sinh		7.500	7.250	9.000	6.000	35.750	7.15		
3	H S 0589	Trần Thị Thù	Nhung	13/03/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Hóa	Sinh		6.000	7.250	7.400	6.000	32.650	6.53		
4	L S 0514	Đông Thảo	Nguyễn	27/01/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Lý	Sinh		5.500	7.500	7.400	6.000	32.400	6.48		
5	A S 0062	Nguyễn Quỳnh	Chi	22/04/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	T.Anh	Sinh		5.750	6.750	7.900	6.000	32.400	6.48		
6	T S 0826	Trình Ngọc	Toàn	04/12/1995	Kon Tum	Giỏi	Tốt	Giỏi	Toán	Sinh		5.000	8.500	4.700	6.750	31.700	6.34		
7	S K 0843	Hồ Thị Quỳnh	Trang	05/09/1995	Quỳnh Lưu-Nghệ An	Giỏi	Tốt	Giỏi	Sinh	/		6.000	6.250	5.900	6.750	31.650	6.33		
8	A S 0872	Đào Thị Mỹ	Trinh	18/02/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	T.Anh	Sinh		5.250	6.000	8.000	6.000	31.250	6.25		
9	S K 0087	Trương Thị Thúy	Diễm	08/11/1995	Mang Yang - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Sinh	/		5.750	4.750	5.500	6.750	29.500	5.90		
10	S A 0561	Trần Duy Phương	Nhi	08/12/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Sinh	T.Anh		4.000	5.000	8.500	6.000	29.500	5.90		
11	S V 0391	Huỳnh Thị Mỹ	Linh	26/12/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Sinh	Văn		6.000	4.500	6.200	6.250	29.200	5.84		
12	S A 0961	Phạm Thị Tường	Vi	20/12/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Sinh	T.Anh		5.000	5.250	6.100	6.250	28.850	5.77		
13	S V 0844	Lê Thị Kim	Trang	23/10/1995	Iagrai - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Sinh	Văn		4.750	5.500	5.700	6.250	28.450	5.69		
14	S K 0823	Nguyễn Phúc	Toàn	18/04/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Sinh	/		5.000	4.250	6.200	6.000	27.450	5.49		

Tổng cộng danh sách này có 14 học sinh
DUYỆT CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Pleiku, ngày 12 tháng 07 năm 2010

HIỆU TRƯỞNG

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN MÔN NGŨ VĂN (ĐỢT 1)

ST T	Số báo đanh	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh		X. loại lớp 9		XL TN	NV1	NV2	Điểm KK (nếu có)	Điểm thi				Tổng điểm thi	Điểm TB	Ghi chú (Điện KK)
					(<i>Huyện (Quận), tỉnh (thành phố)</i>)	Học lực	Hạnh kiểm	Môn		Môn	Văn		Toán	Tiếng Anh	Môn Chuyên				
1	V A 0927	Châu Trần Hoàng	Uyên	26/08/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Văn	T.Anh	1.5	8.500	9.000	9.400	8.250	44.900	8.98	Nhì Văn	
2	A V 0585	Nguyễn Cẩm	Nhung	21/07/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	T.Anh	Văn		7.250	7.250	8.100	7.500	37.600	7.52		
3	V T 0495	Hoàng Thị Vỹ	Ngọc	15/01/1995	Eah'leo - Đăk Lăk	Giỏi	Tốt	Giỏi	Văn	Toán		7.500	7.750	8.200	7.000	37.450	7.49		
4	A V 0258	Nguyễn Thị Quỳnh	Hoa	28/10/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	T.Anh	Văn	1.5	6.500	8.000	9.300	6.000	37.300	7.46	Nhì Văn	
5	V A 0783	Ngô Phạm Hoài	Thương	15/08/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Văn	T.Anh		6.750	8.000	8.400	7.000	37.150	7.43		
6	V S 0398	Ngô Thị Trúc	Linh	20/11/1995	Phù Mỹ - Bình Định	Giỏi	Tốt	Giỏi	Văn	Sinh	1.0	7.000	7.250	8.600	6.500	36.850	7.37	Ba Văn	
7	A V 0784	Nguyễn Hoài	Thương	04/12/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	T.Anh	Văn	1.0	6.500	8.000	8.400	6.000	35.900	7.18	Ba Văn	
8	A V 0092	Phạm Thái Huyền	Diệu	24/03/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	T.Anh	Văn		8.250	4.750	8.500	7.000	35.500	7.10		
9	V K 0388	Hoàng Khánh	Linh	13/09/1995	Đệ Thủy - Quảng Bình	Giỏi	Tốt	Giỏi	Văn	/		7.500	6.250	7.100	7.250	35.350	7.07		
10	A V 0235	Hồng Mỹ	Hiền	09/03/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	T.Anh	Văn		8.000	6.000	7.800	6.500	34.800	6.96		
11	V A 0066	Bùi Tâm	Chuyên	11/02/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Văn	T.Anh		8.500	6.500	6.500	6.500	34.500	6.90		
12	A V 0857	Nguyễn Thị Mỹ	Trang	03/01/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	T.Anh	Văn		5.750	4.750	8.800	7.500	34.300	6.86		
13	V T 0328	Ngô Thị Thảo	Huyền	24/01/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Văn	Toán		6.250	6.500	6.800	7.000	33.550	6.71		
14	V T 0325	Bùi Thị Thanh	Huyền	18/02/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Văn	Toán		7.500	7.000	6.900	6.000	33.400	6.68		
15	A V 0835	Hồng Lê Trân	Trân	02/12/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	T.Anh	Văn		5.750	5.500	8.800	6.500	33.050	6.61		
16	V A 0776	Phan Thị	Thuận	04/09/1995	IaGraï - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Văn	T.Anh		8.000	5.500	7.200	6.000	32.700	6.54		
17	V S 0557	Nguyễn Thị Yến	Nhi	07/11/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Văn	Sinh		6.750	4.500	7.400	7.000	32.650	6.53		
18	A V 0098	Lê Thị Ngọc	Dung	24/09/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	T.Anh	Văn		8.000	4.250	7.900	6.250	32.650	6.53		
19	A V 0929	Hồ Thị Phương	Uyên	30/01/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	T.Anh	Văn		5.500	5.000	8.900	6.500	32.400	6.48		
20	T V 0094	Cao Thị Lê	Dung	01/01/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Toán	Văn		6.750	6.500	7.000	6.000	32.250	6.45		
21	T V 0558	Nguyễn Uyển	Nhi	17/12/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Toán	Văn		7.000	6.500	5.500	6.500	32.000	6.40		
22	A V 1001	Trần Thị	Xuân	10/01/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	T.Anh	Văn		5.750	6.000	7.900	6.000	31.650	6.33		
23	A V 0564	Vương Thị Ý	Nhi	29/05/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	T.Anh	Văn		6.250	4.000	7.300	7.000	31.550	6.31		
24	H V 0405	Phạm Thị Thùy	Linh	22/01/1995	Iagrai - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Hóa	Văn		8.750	4.750	5.000	6.500	31.500	6.30		
25	V B 0638	Nguyễn Thị Xuân	Phương	25/10/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Văn	Sử		6.500	6.500	6.500	6.000	31.500	6.30		
26	T V 0105	Trần Thị Phương	Dung	16/06/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Toán	Văn		7.750	5.500	6.100	6.000	31.350	6.27		
27	S V 0674	Nguyễn Hồ Xuân	Quỳnh	19/04/1995	Vinh Trung - Đà Nẵng	Giỏi	Tốt	Giỏi	Sinh	Văn		7.500	4.500	6.900	6.000	30.900	6.18		

28	V L 0837	Đặng Thị Hiền	Trang	20/05/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Văn	Lý		6.750	5.000	6.000	6.500	30.750	6.15	
29	H V 0736	Trần Thị Thu	Thảo	14/07/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Hóa	Văn		6.500	4.750	6.200	6.500	30.450	6.09	
30	L V 0948	Nguyễn Thị Mỹ	Vân	07/02/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Lý	Văn		6.250	4.500	7.400	6.000	30.150	6.03	
31	A V 0292	Nguyễn Tuấn	Hùng	16/01/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	T.Anh	Văn		4.250	5.500	8.100	6.000	29.850	5.97	
32	T V 0524	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	12/06/1995	MangYang - GL	Khá	Tốt	Khá	Toán	Văn		7.000	5.500	5.000	6.000	29.500	5.90	
33	A V 0953	Trịnh Thị Hồng	Vân	01/09/1995	Lương Sơn-Hòa Bình	Giỏi	Tốt	Giỏi	T.Anh	Văn		6.000	4.000	7.400	6.000	29.400	5.88	
34	V A 0470	Trương Thị Thu	Nga	16/06/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Văn	T.Anh		6.000	4.000	7.200	6.000	29.200	5.84	
35	V B 0376	Phan Nhật	Lệ	12/01/1995	Kbang - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Văn	Sử		5.750	4.000	6.000	6.500	28.750	5.75	

Tổng cộng danh sách này có 35 học sinh
DUYỆT CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Pleiku, ngày 12 tháng 07 năm 2010
HIỆU TRƯỞNG

KÌ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 CHUYÊN, NĂM HỌC 2010 - 2011
KHÓA NGÀY 23/06/2010

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN MÔN LỊCH SỬ (ĐỢT 1)

ST T	Số báo danh	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh		X. loại lớp 9		XL TN	NV1	NV2	Điểm KK (nếu có)	Điểm thi				Tổng điểm thi	Điểm TB	Ghi chú (Điện KK)
					(Huyện (Quận), tỉnh (thành phố))	Học lực	Hạnh kiêm	Môn		Môn	Văn		Toán	Tiếng Anh	Môn Chuyên				
1	B A 0345	Nguyễn Ngọc	Khánh	05/09/1995	Pleiku - Gia Lai	Khá	Tốt	Khá	Sử	T.Anh		5.500	5.000	6.000	8.000	32.500	6.50		
2	L B 0224	Nguyễn Thị Ngọc	Hạnh	12/08/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Lý	Sử		5.250	6.250	6.400	7.000	31.900	6.38		
3	B L 0068	Nguyễn Thành	Công	11/07/1995	Trông Năng - Đăk Lăk	Khá	Tốt	Khá	Sử	Lý		4.500	4.250	4.400	8.250	29.650	5.93		
4	H B 0130	Nguyễn Bá	Duy	05/05/1995	Iagrai - Gia Lai	Khá	Tốt	Khá	Hóa	Sử		4.250	5.500	6.100	6.750	29.350	5.87		

Tổng cộng danh sách này có 04 học sinh
DUYỆT CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Pleiku, ngày 12 tháng 07 năm 2010
HIỆU TRƯỞNG

KÌ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 CHUYÊN, NĂM HỌC 2010 - 2011
KHÓA NGÀY 23/06/2010

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN MÔN ĐỊA LÝ (ĐỢT 1)

ST T	Số báo danh	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh		X. loại lớp 9		XL TN	NV1	NV2	Điểm KK (nếu có)	Điểm thi				Tổng điểm thi	Điểm TB	Ghi chú (Điện KK)
					(Huyện (Quận), tỉnh (thành phố))	Học lực	Hạnh kiểm	Môn		Môn	Văn		Toán	Tiếng Anh	Môn Chuyên				
1	T Đ 0150	Đỗ Văn	Đành	07/01/1995	Lộc Ninh - Bình Phước	Giỏi	Tốt	Giỏi	Toán	Địa		4.750	8.250	5.600	7.750	34.100	6.82		
2	Đ V 0854	Nguyễn Thị Đài	Trang	08/10/1995	ChưPăh - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Địa	Văn		7.250	4.250	6.100	7.750	33.100	6.62		
3	T Đ 0702	Trần Thị Minh	Tâm	07/08/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Toán	Địa		4.000	7.250	6.900	6.250	30.650	6.13		
4	A Đ 0814	Huỳnh Hoàng	Tiến	24/06/1995	EaHleo - Đắk Lắk	Giỏi	Tốt	Giỏi	T.Anh	Địa		5.250	4.000	6.900	6.250	28.650	5.73		
5	T Đ 0332	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	06/03/1995	ChưPưh - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Toán	Địa		4.500	5.750	4.800	6.250	27.550	5.51		

Tổng cộng danh sách này có 05 học sinh
DUYỆT CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Pleiku, ngày 12 tháng 07 năm 2010
HIỆU TRƯỞNG

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN MÔN TIẾNG ANH (ĐỢT 1)

ST T	Số báo danh	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh		X. loại lớp 9		XL TN	NV1	NV2	Điểm KK (nếu có)	Điểm thi				Tổng điểm thi	Điểm TB	Ghi chú (Điện KK)
					(Huyện (Quận), tỉnh (thành phố))	Học lực	Hạnh kiểm	Môn		Môn	Văn		Toán	Tiếng Anh	Môn Chuyên				
1	A K 0335	Phạm Thị Minh	Huyền	18/04/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	T.Anh	/	1.5	6.750	9.250	9.400	7.900	42.700	8.54	Nhì T.Anh	
2	A K 0741	Trần Thị Quỳnh	Thị	05/02/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	T.Anh	/	2.0	6.750	8.500	9.600	7.700	42.250	8.45	Nhất T.Anh	
3	A T 0171	Nguyễn Thị Hương	Giang	30/07/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	T.Anh	Toán	1.5	8.000	6.500	9.100	7.800	40.700	8.14	Nhì T.Anh	
4	A K 0104	Phùng Ngọc	Dung	15/04/1995	Phù Mỹ - Bình Định	Giỏi	Tốt	Giỏi	T.Anh	/		8.000	8.750	9.500	6.100	40.450	8.09		
5	A K 0715	Tạ Thị Xuân	Thanh	04/03/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	T.Anh	/	2.0	5.750	6.500	9.800	7.500	39.050	7.81	Nhất T.Anh	
6	A L 0403	Nguyễn Thị Yến	Linh	01/11/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	T.Anh	Lý	1.5	7.000	6.250	9.300	7.400	38.850	7.77	Nhì T.Anh	
7	A S 0550	Lê Ngô Ý	Nhi	20/06/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	T.Anh	Sinh		7.500	7.500	9.600	6.800	38.200	7.64		
8	A V 0385	Dương Phương	Linh	29/03/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	T.Anh	Văn		7.500	8.500	9.200	6.500	38.200	7.64		
9	A T 0198	Nguyễn Thành	Hải	20/08/1995	ly Phước - Bình Định	Giỏi	Tốt	Giỏi	T.Anh	Toán		5.250	8.250	9.400	7.100	37.100	7.42		
10	A K 0593	Võ Ngọc Thuyên	Nhy	27/05/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	T.Anh	/	1.5	7.000	6.500	9.300	6.300	36.900	7.38	Nhì T.Anh	
11	A H 0534	Nguyễn Phạm Bình Gia	Nhã	01/11/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	T.Anh	Hóa	1.5	7.000	7.500	8.800	6.000	36.800	7.36	Nhì T.Anh	
12	A K 0205	Nguyễn Bảo	Hân	17/12/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	T.Anh	/	1.0	7.500	5.000	9.400	6.600	36.100	7.22	Ba T.Anh	
13	A V 0725	Lê Thị Thanh	Thảo	11/03/1995	An Khê - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	T.Anh	Văn	1.5	6.500	5.000	9.800	6.200	35.200	7.04	Nhì T.Anh	
14	A V 0600	Lê Thị Kiều	Oanh	08/02/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	T.Anh	Văn	1.5	4.500	5.000	9.600	7.100	34.800	6.96	Nhì T.Anh	
15	A K 0501	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	16/12/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	T.Anh	/	1.5	5.500	4.500	9.400	6.900	34.700	6.94	Nhì T.Anh	
16	A V 0516	Hồ Đình Thảo	Nguyễn	30/07/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	T.Anh	Văn	1.5	7.250	4.000	9.200	6.300	34.550	6.91	Nhì T.Anh	
17	A L 0187	Tạ Thị Thu	Hà	01/09/1995	Kbang - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	T.Anh	Lý	1.5	6.000	6.250	7.900	6.300	34.250	6.85	Nhì T.Anh	
18	A L 0206	Thái Duy	Hân	21/11/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	T.Anh	Lý		4.750	8.000	8.300	6.500	34.050	6.81		
19	A V 0663	Lê Mai Ngọc	Quyên	21/12/1995	Pleiku - Gia Lai	Khá	Tốt	Khá	T.Anh	Văn		5.250	4.750	9.300	6.500	32.300	6.46		
20	A K 0804	Phạm Thị Thu	Thùy	03/06/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	T.Anh	/		5.750	6.000	8.500	6.000	32.250	6.45		
21	A T 0114	Nguyễn Hồ Anh	Dũng	17/04/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	T.Anh	Toán		5.250	4.500	8.400	6.200	30.550	6.11		
22	A V 0933	Nguyễn Thị Hoàng	Uyên	17/11/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	T.Anh	Văn		4.500	4.250	7.900	6.000	28.650	5.73		

Tổng cộng danh sách này có 22 học sinh
DUYỆT CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Pleiku, ngày 12 tháng 07 năm 2010

HIỆU TRƯỞNG

KÌ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 CHUYÊN, NĂM HỌC 2010 - 2011
KHÓA NGÀY 23/06/2010

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN MÔN TOÁN (ĐỢT 2)

ST T	Số báo danh	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh		X. loại lớp 9		XL TN	NV1	NV2	Điểm KK (nếu có)	Điểm thi				Tổng điểm thi	Điểm TB	Ghi chú (Diện KK)
					(Huyện (Quận), tỉnh (thành phố))	Học lực	Hạnh kiểm	Môn		Môn	Văn		Toán	Tiếng Anh	Môn Chuyên				
1	T A 0958	Liêu Thúy	Vi	28/01/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Toán	T.Anh		8.000	9.000	7.300	5.500	35.300	7.06		
2	T L 0045	Phạm Thị Như	Bích	20/11/1995	Tam Điệp-Ninh Bình	Giỏi	Tốt	Giỏi	Toán	Lý		3.250	8.250	6.800	8.000	34.300	6.86		
3	T K 0959	Nguyễn Ngọc Thụy	Vi	24/12/1995	AyunPa - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Toán	/		5.250	8.500	8.000	5.750	33.250	6.65		

Tổng cộng danh sách này có 03 học sinh
DUYỆT CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Pleiku, ngày 12 tháng 07 năm 2010
HIỆU TRƯỞNG

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN MÔN LÝ (ĐỢT 2)

ST T	Số báo danh	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh		X. loại lớp 9		XL TN	NV1	NV2	Điểm KK (nếu có)	Điểm thi				Tổng điểm thi	Điểm TB	Ghi chú (Diện KK)
					(Huyện (Quận), tỉnh (thành phố))	Học lực	Hạnh kiểm	Môn		Môn	Văn		Toán	Tiếng Anh	Môn Chuyên				
1	L H 0162	Trương Phú	Đông	28/11/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Lý	Hóa		3.750	8.250	6.800	7.750	34.300	6.86		
2	L K 0520	Nguyễn Cao	Nguyên	03/08/1995	Iagrai - Gia Lai	Khá	Tốt	Khá	Lý	/		4.750	7.500	3.700	9.000	33.950	6.79		
3	A L 0238	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	12/07/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	T.Anh	Lý		6.750	8.000	8.600	5.250	33.850	6.77		
4	L T 0818	Nguyễn Đình	Tiến	03/02/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Lý	Toán		2.750	8.750	6.200	8.000	33.700	6.74		
5	L V 0870	Đặng Thị Mỹ	Triều	06/06/1995	An Khê - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Lý	Văn	1.0	5.000	3.750	6.200	8.250	32.450	6.49	Ba Lý	
6	T L 0156	Nguyễn Lê Quốc	Đạt	12/05/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Toán	Lý		4.500	9.500	6.400	5.250	30.900	6.18		
7	L T 0744	Trần Công	Thịnh	01/01/1995	Sa Thầy - Kon Tum	Giỏi	Tốt	Giỏi	Lý	Toán		4.250	3.000	5.600	9.000	30.850	6.17		
8	T L 0808	Phạm Chí Trường	Thy	18/01/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Toán	Lý		3.500	8.750	6.500	6.000	30.750	6.15		
9	L A 0081	Nguyễn Ngọc	Cường	19/10/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Lý	T.Anh		3.750	3.250	6.900	8.250	30.400	6.08		
10	L K 0706	Phạm Đình	Tây	23/10/1995	Pleiku - Gia Lai.	Giỏi	Tốt	Giỏi	Lý	/		3.000	2.000	9.100	8.000	30.100	6.02		
11	L A 0763	Hoàng Thị Hương	Thu	22/02/1995	Pleiku - Gia Lai	Khá	Tốt	Khá	Lý	T.Anh	1.0	3.750	2.000	7.800	7.750	30.050	6.01	Ba Lý	
12	A L 0554	Nguyễn Thị Hải	Nhi	03/11/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	T.Anh	Lý		2.500	6.750	7.300	6.500	29.550	5.91		
13	L A 0268	Bùi Chí Vĩnh	Hoàng	24/07/1995	Pleiku - Gia Lai	Khá	Tốt	Khá	Lý	T.Anh		4.250	3.250	5.600	8.000	29.100	5.82		
14	L S 0745	Đỗ Trương Nhật	Thịnh	27/07/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Lý	Sinh		6.750	2.500	6.700	6.000	27.950	5.59		
15	T L 0240	Nguyễn Thị Thu	Hiền	05/06/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Toán	Lý		5.000	5.000	7.900	5.000	27.900	5.58		
16	L H 0058	Vũ Duy	Bồn	13/01/1995	Krông Ana - Đắk Lắk	Giỏi	Tốt	Giỏi	Lý	Hóa		3.500	3.250	5.600	7.750	27.850	5.57		
17	L T 0778	Nguyễn Ngọc	Thức	24/02/1995	Đắc Đoa - Gia Lai	Khá	Tốt	Khá	Lý	Toán		3.000	6.750	5.300	6.000	27.050	5.41		
18	T L 0071	Đào Đức	Cường	21/06/1995	ChưPăh - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Toán	Lý		4.750	6.250	6.000	5.000	27.000	5.40		
19	L K 0023	Nguyễn Tuấn	Anh	23/03/1995	Vũ Quang - Hà Tĩnh	Giỏi	Tốt	Giỏi	Lý	/		4.500	2.750	4.000	7.750	26.750	5.35		
20	L T 0888	Trần Thế	Trung	13/07/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Lý	Toán		5.750	5.500	5.400	5.000	26.650	5.33		
21	L K 0988	Hồ Thị Hà	Vy	08/08/1995	Pleiku - Gia Lai	Khá	Tốt	Khá	Lý	/		3.250	5.500	5.700	6.000	26.450	5.29		
22	L K 0015	Nguyễn Công	Anh	18/11/1995	Krông Ana - Đắk Lắk	Khá	Tốt	Khá	Lý	/		4.000	3.250	6.100	6.500	26.350	5.27		
23	L K 0567	Bùi Thị Phương	Như	18/01/1995	KrôngPa - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Lý	/		3.000	6.000	4.800	6.250	26.300	5.26		
24	L T 0492	Đặng Thị Vy	Ngọc	21/03/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Lý	Toán		6.250	4.250	5.300	5.000	25.800	5.16		
25	T L 0278	Vũ Huy	Hoàng	24/11/1995	Hòa Bình	Khá	Tốt	Khá	Toán	Lý		4.500	6.250	4.900	5.000	25.650	5.13		
26	L T 0912	Trần Ngọc	Tuấn	28/04/1995	Hưng Hà - Thái Bình	Khá	Tốt	Giỏi	Lý	Toán		3.500	2.750	3.100	7.750	24.850	4.97		
27	L T 0127	Lê Hoàng	Duy	04/04/1995	ChưPrông - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Lý	Toán		3.000	5.000	4.800	6.000	24.800	4.96		

28	T L 0294	Nguyễn Việt Hùng	09/06/1995	Đắc Tô - Kon Tum	Khá	Tốt	Khá	Toán	Lý		5.250	3.500	5.100	5.250	24.350	4.87	
----	----------	------------------	------------	------------------	-----	-----	-----	------	----	--	-------	-------	-------	-------	--------	------	--

Tổng cộng danh sách này có 28 học sinh
DUYỆT CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Pleiku, ngày 12 tháng 07 năm 2010
HIỆU TRƯỞNG

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN MÔN HÓA (ĐỢT 2)

ST T	Số báo danh	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh		X. loại lớp 9		XL TN	NV1	NV2	Điểm KK (nếu có)	Điểm thi				Tổng điểm thi	Điểm TB	Ghi chú (Diện KK)
					(Huyện (Quận), tỉnh (thành phố))	Học lực	Hạnh kiểm	Môn		Môn	Văn		Toán	Tiếng Anh	Môn Chuyên				
1	H A 0378	Phan Thị Thùy	Liên	23/10/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Hóa	T.Anh		8.000	6.500	7.800	5.375	33.050	6.61		
2	A H 0103	Phan Hoàng Thùy	Dung	13/02/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	T.Anh	Hóa		7.500	5.250	8.900	5.125	31.900	6.38		
3	T H 0074	Hoàng Mạnh	Cường	03/02/1995	Vũ Thư-Thái Bình	Giỏi	Tốt	Giỏi	Toán	Hóa		5.250	9.000	5.800	5.625	31.300	6.26		
4	A H 0407	Tổng Mỹ	Linh	16/09/1995	KrôngPa - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	T.Anh	Hóa		7.500	4.250	7.400	5.875	30.900	6.18		
5	H T 0303	Lê Thị Mai	Hương	14/04/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Hóa	Toán		5.000	7.250	7.200	5.625	30.700	6.14		
6	T H 0746	Hồ Nguyễn Nhật	Thịnh	27/10/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Toán	Hóa		4.750	8.000	7.000	5.250	30.250	6.05		
7	H T 0721	Đặng Thị Thanh	Thảo	10/04/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Hóa	Toán	1.0	4.250	7.750	5.700	5.750	30.200	6.04	Ba Hóa	
8	H K 0073	Dương Văn	Cường	16/10/1995	Pleiku - Gia Lai	Khá	Tốt	Khá	Hóa	/		3.500	5.500	6.100	7.375	29.850	5.97		
9	H A 0394	Lê Trần Khánh	Linh	26/01/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Hóa	T.Anh		7.000	3.000	7.800	5.875	29.550	5.91		
10	H A 0802	Nguyễn Thị Thanh	Thùy	10/06/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Hóa	T.Anh		4.000	8.000	5.900	5.625	29.150	5.83		
11	H K 0311	Đỗ Đình	Hữu	07/08/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Hóa	/		4.750	7.000	6.900	5.250	29.150	5.83		
12	A H 0587	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	18/11/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	T.Anh	Hóa		4.250	5.500	8.300	5.375	28.800	5.76		
13	H L 0886	Nguyễn Thành	Trung	01/05/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Hóa	Lý		4.000	3.000	6.600	7.500	28.600	5.72		
14	H V 0452	Mai Thu	Minh	15/05/1995	Bà Rịa - Vũng Tàu	Giỏi	Tốt	Giỏi	Hóa	Văn		5.000	5.500	6.800	5.250	27.800	5.56		
15	H A 0313	Hồ Đức	Huy	23/01/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Hóa	T.Anh		4.250	5.000	7.100	5.625	27.600	5.52		
16	H T 0716	Tô Tú	Thanh	08/03/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Hóa	Toán		3.500	4.750	6.100	6.500	27.350	5.47		
17	T H 0833	Nguyễn Thị Thanh	Trâm	02/02/1995	ChưPăh - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Toán	Hóa		7.000	6.750	3.200	5.125	27.200	5.44		
18	H L 0241	Nguyễn Xuân	Hiền	16/03/1995	AyunPa-Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Hóa	Lý		4.000	6.000	7.200	5.000	27.200	5.44		

Tổng cộng danh sách này có 18 học sinh
DUYỆT CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Pleiku, ngày 12 tháng 07 năm 2010

HIỆU TRƯỞNG

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN MÔN SINH (ĐỢT 2)

ST T	Số báo danh	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh		X. loại lớp 9		XL TN	NV1	NV2	Điểm KK (nếu có)	Điểm thi				Tổng điểm thi	Điểm TB	Ghi chú (Diện KK)
					(Huyện (Quận), tỉnh (thành phố))	Học lực	Hạnh kiểm	Môn		Môn	Văn		Toán	Tiếng Anh	Môn Chuyên				
1	S V 0913	Võ Anh	Tuấn	03/01/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Sinh	Văn			5.750	3.750	9.200	6.500	31.700	6.34	
2	S V 0032	Hồ Nhật	Ánh	02/11/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Sinh	Văn			6.750	2.750	6.900	7.500	31.400	6.28	
3	A S 0666	Nguyễn Phan Thục	Quyên	26/09/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	T.Anh	Sinh			5.500	2.750	8.700	6.000	28.950	5.79	
4	S K 0726	Lương Hồng	Thảo	03/08/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Sinh	/			5.000	5.750	6.100	5.250	27.350	5.47	
5	S K 0050	Huỳnh Đức	Bình	11/09/1995	Lệ Thủy-QBình	Giỏi	Tốt	Giỏi	Sinh	/			5.250	3.750	6.000	6.000	27.000	5.40	
6	S A 0849	Lê Thị Thu	Trang	18/07/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Sinh	T.Anh			6.000	4.000	6.400	5.250	26.900	5.38	
7	S A 0945	Nguyễn Kim Hồng	Vân	18/10/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Sinh	T.Anh			5.000	4.000	6.600	5.625	26.850	5.37	
8	H S 0632	Mai Hà	Phuong	29/08/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Hóa	Sinh			4.750	4.250	6.000	5.625	26.250	5.25	
9	S H 0284	Nguyễn Thị	Hồng	27/02/1995	Tây Sơn - Bình Định	Giỏi	Tốt	Giỏi	Sinh	Hóa			5.750	2.500	5.400	6.000	25.650	5.13	
10	S K 0389	Hoàng Nguyễn Mỹ	Linh	01/07/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Sinh	/			5.000	2.250	6.300	6.000	25.550	5.11	
11	H S 0366	Đình Lê Tùng	Lâm	09/06/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Hóa	Sinh			3.250	5.500	6.200	5.250	25.450	5.09	
12	H S 0864	Võ Thị	Trang	09/11/1995	Phong Điền - Huế	Giỏi	Tốt	Giỏi	Hóa	Sinh			4.000	4.500	6.300	5.250	25.300	5.06	
13	S L 0458	Đặng Ngọc	Nam	27/03/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Sinh	Lý			4.500	3.250	5.400	6.000	25.150	5.03	
14	S K 0393	Lê Mỹ	Linh	18/08/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Sinh	/			5.000	4.250	5.100	5.250	24.850	4.97	
15	S V 0349	Lê Quỳnh	Khoa	10/08/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Sinh	Văn			5.000	4.000	5.700	5.000	24.700	4.94	
16	S K 0840	Đình Thùy	Trang	18/06/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Sinh	/			3.750	2.750	5.300	5.000	21.800	4.36	
17	H S 0562	Trần Thanh Ý	Nhi	29/09/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Hóa	Sinh			3.500	2.500	4.800	5.000	20.800	4.16	

Tổng cộng danh sách này có 17 học sinh
DUYỆT CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Pleiku, ngày 12 tháng 07 năm 2010
HIỆU TRƯỞNG

KÌ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 CHUYÊN, NĂM HỌC 2010 - 2011
KHÓA NGÀY 23/06/2010

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN MÔN SỬ' (ĐỢT 2)

ST T	Số báo danh	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh		X. loại lớp 9		XL TN	NV1	NV2	Điểm KK (nếu có)	Điểm thi				Tổng điểm thi	Điểm TB	Ghi chú (Diện KK)
					(Huyện (Quận), tỉnh (thành phố))	Học lực	Hạnh kiểm	Môn		Môn	Văn		Toán	Tiếng Anh	Môn Chuyên				
1	V B 0855	Nguyễn Thị Hoài	Trang	26/01/1995	Iagrai - Gia Lai	Khá	Tốt	Khá	Văn	Sử	1.0	7.000	3.000	4.600	6.000	26.600	5.32	Ba Văn	
2	B H 0250	Trần Xuân	Hiệp	12/05/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Sử	Hóa		4.000	2.500	6.900	6.500	26.400	5.28		
3	T B 0307	Trần Thị Lan	Hương	13/08/1995	Iagrai - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Toán	Sử		5.500	2.500	3.500	6.250	24.000	4.80		

Tổng cộng danh sách này có 03 học sinh
DUYỆT CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Pleiku, ngày 12 tháng 07 năm 2010
HIỆU TRƯỞNG

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN MÔN ĐỊA (ĐỢT 2)

ST T	Số báo danh	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh		X. loại lớp 9		XL TN	NV1	NV2	Điểm KK (nếu có)	Điểm thi				Tổng điểm thi	Điểm TB	Ghi chú (Diện KK)
					(Huyện (Quận), tỉnh (thành phố))	Học lực	Hạnh kiểm	Môn		Môn	Văn		Toán	Tiếng Anh	Môn Chuyên				
1	V Đ 0138	Đặng Thị Mỹ	Duyên	13/10/1995	Pleiku - Gia Lai	Khá	Tốt	Khá	Văn	Địa		6.250	2.250	7.400	7.750	31.400	6.28		
2	Đ S 0316	Nguyễn Đức	Huy	18/08/1995	ChưPăh - Gia Lai	Khá	Tốt	Khá	Địa	Sinh		3.500	6.000	6.000	7.000	29.500	5.90		
3	Đ V 0654	Võ Đình	Quý	05/09/1995	Pleiku - Gia Lai	Khá	Tốt	Khá	Địa	Văn		2.750	6.250	6.000	7.000	29.000	5.80		
4	A Đ 0095	Lê Mẫn	Dung	12/04/1995	ChưPưh - Gia Lai	Khá	Tốt	Khá	T.Anh	Địa	1.0	6.500	3.000	8.700	5.250	28.700	5.74	Ba T.Anh	
5	Đ K 0167	Phạm Hoàng	Đức	10/11/1995	Pleiku - Gia Lai	Khá	Tốt	Khá	Địa	/		4.500	2.000	7.400	7.250	28.400	5.68		
6	V Đ 0574	Trần Thị Quỳnh	Như	12/06/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Văn	Địa	2.0	6.500	3.250	5.000	6.750	28.250	5.65	Nhất Văn	
7	H Đ 0047	Đặng Thái	Bình	24/09/1995	Pleiku - Gia Lai	Khá	Tốt	Khá	Hóa	Địa		3.500	7.000	4.900	6.000	27.400	5.48		
8	A Đ 0792	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	02/10/1995	Pleiku - Gia Lai	Khá	Tốt	Khá	T.Anh	Địa		4.500	3.750	6.300	5.000	24.550	4.91		
9	V Đ 0249	Nguyễn Quốc	Hiệp	04/04/1995	ChưPăh - Gia Lai	Khá	Tốt	Khá	Văn	Địa		4.000	2.750	5.700	5.750	23.950	4.79		
10	V Đ 0190	Trần Thị Việt	Hà	21/01/1995	Pleiku - Gia Lai	Khá	Tốt	Khá	Văn	Địa		4.250	2.000	6.000	5.750	23.750	4.75		
11	T Đ 0353	Nguyễn Minh	Khôi	05/08/1995	KrôngPa - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Toán	Địa		2.500	4.000	4.900	6.000	23.400	4.68		
12	Đ V 0914	Vũ Minh	Tuấn	06/09/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Địa	Văn		3.750	2.500	3.800	6.500	23.050	4.61		

Tổng cộng danh sách này có 12 học sinh
DUYỆT CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Pleiku, ngày 12 tháng 07 năm 2010
HIỆU TRƯỞNG

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN MÔN TIẾNG ANH (ĐỢT 2)

ST T	Số báo danh	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh		X. loại lớp 9		XL TN	NV1	NV2	Điểm KK (nếu có)	Điểm thi				Tổng điểm thi	Điểm TB	Ghi chú (Diện KK)
					(Huyện (Quận), tỉnh (thành phố))	Học lực	Hạnh kiểm	Môn		Môn	Văn		Toán	Tiếng Anh	Môn Chuyên				
1	A K 0455	Nguyễn Thị Hà	My	15/01/1995	Nghĩa Đàn, Nghệ A	Giỏi	Tốt	Giỏi	T.Anh	/	1.0	6.000	7.500	9.200	5.800	35.300	7.06	Ba T.Anh	
2	A T 0456	Nguyễn Thị Thảo	My	17/08/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	T.Anh	Toán	1.0	6.750	7.250	9.000	5.300	34.600	6.92	Ba T.Anh	
3	A T 0174	Cao Thị Vân	Hà	08/03/1995	Kang Yang - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	T.Anh	Toán	1.5	6.250	7.000	9.300	5.200	34.450	6.89	Nhì T.Anh	
4	T A 0293	Nguyễn Việt	Hùng	22/04/1995	An Khê - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Toán	T.Anh		7.000	9.000	8.200	5.000	34.200	6.84		
5	A H 0618	Lê Bình Phương	Phú	09/02/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	T.Anh	Hóa		7.000	6.250	9.100	5.100	32.550	6.51		
6	A V 0482	Võ Thảo	Ngân	09/12/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	T.Anh	Văn		6.000	6.500	9.000	5.100	31.700	6.34		
7	A K 0960	Phạm Thị Tường	Vi	21/10/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	T.Anh	/		5.250	6.000	8.900	5.500	31.150	6.23		
8	A H 0667	Nguyễn Thị Diệu	Quyên	27/01/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	T.Anh	Hóa		6.750	5.250	8.200	5.400	31.000	6.20		
9	A V 0493	Hồ Bảo	Ngọc	10/07/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	T.Anh	Văn		7.000	5.250	8.100	5.300	30.950	6.19		
10	A V 0137	Bùi Thị Hải	Duyên	05/04/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	T.Anh	Văn		5.750	5.250	8.500	5.700	30.900	6.18		
11	A V 0337	Trần Thị	Huyền	02/09/1995	Lâu Lộc - Thanh Hóa	Giỏi	Tốt	Giỏi	T.Anh	Văn	1.0	6.750	3.750	8.300	5.400	30.600	6.12	ba T.Anh	
12	A V 0208	Hà Thu	Hằng	18/01/1995	Kbang - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	T.Anh	Văn	1.5	5.000	3.750	8.600	5.700	30.250	6.05	Nhì T.Anh	
13	H A 0526	Nguyễn Trương Hạnh	Nguyên	11/05/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Hóa	T.Anh		5.750	4.500	9.100	5.300	29.950	5.99		
14	A K 0227	Nguyễn Thị Nhật	Hào	11/11/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	T.Anh	/		4.750	5.500	8.700	5.000	28.950	5.79		
15	A K 0439	Nguyễn Thị Xuân	Mai	15/06/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	T.Anh	/	1.5	4.750	3.000	8.700	5.400	28.750	5.75	Nhì T.Anh	
16	A V 0427	Cai Huỳnh Bích	Ly	14/11/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	T.Anh	Văn		5.250	2.750	8.400	5.900	28.200	5.64		
17	A H 0295	Võ Dương Minh	Hùng	10/08/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	T.Anh	Hóa		4.250	4.500	8.900	5.000	27.650	5.53		
18	A T 0544	Lê Hoàng	Nhật	24/11/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	T.Anh	Toán		4.500	3.500	8.600	5.100	26.800	5.36		
19	A K 0671	Phan Vĩnh	Quyên	15/10/1995	Pleiku - Gia Lai	Khá	Tốt	Khá	T.Anh	/		4.000	2.250	8.400	5.900	26.450	5.29		
20	A K 0861	Nguyễn Việt Tú	Trang	10/01/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	T.Anh	/		3.250	2.500	8.900	5.400	25.450	5.09		

Tổng cộng danh sách này có 20 học sinh
DUYỆT CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Pleiku, ngày 12 tháng 07 năm 2010
HIỆU TRƯỞNG

KÌ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 CHUYÊN, NĂM HỌC 2010 - 2011
KHÓA NGÀY 23/06/2010

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN MÔN SINH (ĐỢT 3)

ST T	Số báo danh	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh		X. loại lớp 9		XL TN	NV1	NV2	Điểm KK (nếu có)	Điểm thi				Tổng điểm thi	Điểm TB	Ghi chú (Diện KK)
					(Huyện (Quận), tỉnh (thành phố))	Học lực	Hạnh kiểm	Môn		Môn	Văn		Toán	Tiếng Anh	Môn Chuyên				
1	A S 0219	Phan Thị Xuân	Hằng	28/03/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	T.Anh	Sinh		6.500	9.000	7.000	4.250	31.000	6.20		
2	A S 0946	Nguyễn Thị	Vân	24/05/1995	Đau Lộc - Thanh Hóa	Giỏi	Tốt	Giỏi	T.Anh	Sinh		6.750	7.500	7.700	4.250	30.450	6.09		
3	A S 0766	Phan Hà	Thu	31/07/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	T.Anh	Sinh		5.250	7.500	8.200	4.250	29.450	5.89		
4	A S 0494	Hoàng Thị Như	Ngọc	07/10/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	T.Anh	Sinh		3.000	6.750	8.200	4.000	25.950	5.19		

Tổng cộng danh sách này có 04 học sinh
DUYỆT CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Pleiku, ngày 12 tháng 07 năm 2010
HIỆU TRƯỞNG

KÌ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 CHUYÊN, NĂM HỌC 2010 - 2011
KHÓA NGÀY 23/06/2010

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN MÔN SỬ (ĐỢT 3)

ST T	Số báo danh	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh		X. loại lớp 9		XL TN	NV1	NV2	Điểm KK (nếu có)	Điểm thi				Tổng điểm thi	Điểm TB	Ghi chú (Diện KK)
					(Huyện (Quận), tỉnh (thành phố))	Học lực	Hạnh kiếm	Môn		Môn	Văn		Toán	Tiếng Anh	Môn Chuyên				
1	A B 0614	Hồ Lê Hoài	Phi	08/10/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	T.Anh	Sử		4.750	5.250	8.500	4.750	28.000	5.60		
2	H B 0905	Nguyễn Anh	Tuấn	19/04/1995	ChưPăh - Gia Lai	Khá	Tốt	Khá	Hóa	Sử		4.000	4.500	5.700	4.250	22.700	4.54		
3	V B 0576	Võ Thị Quỳnh	Như	02/08/1995	IaGrai-Gia Lai	Khá	Tốt	Khá	Văn	Sử		3.500	5.000	4.600	4.500	22.100	4.42		

Tổng cộng danh sách này có 03 học sinh
DUYỆT CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Pleiku, ngày 12 tháng 07 năm 2010
HIỆU TRƯỞNG

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN MÔN TIẾNG ANH (ĐỢT 3)

ST T	Số báo danh	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh		X. loại lớp 9		XL TN	NV1	NV2	Điểm KK (nếu có)	Điểm thi				Tổng điểm thi	Điểm TB	Ghi chú (Diện KK)
					(Huyện (Quận), tỉnh (thành phố))	Học lực	Hạnh kiểm	Môn		Môn	Văn		Toán	Tiếng Anh	Môn Chuyên				
1	A T 0057	Trần Thị Thái	Bình	01/09/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	T.Anh	Toán		6.750	8.250	9.100	4.900	33.900	6.78		
2	A K 0326	Đậu Thị Thanh	Huyện	18/03/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	T.Anh	/		6.000	7.750	9.100	4.500	31.850	6.37		
3	A V 0142	Nguyễn Mỹ	Duyên	06/10/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	T.Anh	Văn		6.000	7.000	8.700	4.600	30.900	6.18		
4	A K 0556	Nguyễn Thị Xuân	Nhi	26/06/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	T.Anh	/		5.500	6.000	9.300	4.700	30.200	6.04		
5	A T 0215	Nguyễn Thị Ánh	Hằng	12/04/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	T.Anh	Toán		5.000	6.500	9.100	4.600	29.800	5.96		
6	A T 0955	Hồ Thảo	Vi	12/11/1995	Đ. Nhơn - Bình Định	Giỏi	Tốt	Giỏi	T.Anh	Toán		6.250	6.250	8.400	4.400	29.700	5.94		
7	T A 0627	Hồ Giang	Phương	20/07/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Toán	T.Anh		5.250	7.750	8.000	4.300	29.600	5.92		
8	A K 0816	Lê Trung	Tiến	06/05/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	T.Anh	/		6.000	5.750	8.200	4.800	29.550	5.91		
9	A H 0740	Phạm Ngọc Anh	Thị	04/08/1995	Pleiku - Gia Lai	Khá	Tốt	Khá	T.Anh	Hóa		6.250	5.750	8.300	4.600	29.500	5.90		
10	A V 0831	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	23/10/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	T.Anh	Văn		7.500	5.000	8.400	4.100	29.100	5.82		
11	A K 0896	Tôn Nữ Minh	Tú	17/03/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	T.Anh	/		5.250	5.750	8.500	4.500	28.500	5.70		
12	A T 0695	Bùi Thiện	Tâm	18/10/1995	KongChro - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	T.Anh	Toán		4.500	6.250	8.900	4.400	28.450	5.69		
13	A T 0090	Nguyễn Hoàng	Diệp	12/11/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	T.Anh	Toán		5.250	6.500	7.300	4.600	28.250	5.65		
14	A K 0210	Lâm Thị Thanh	Hằng	17/04/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	T.Anh	/		5.000	6.750	7.300	4.600	28.250	5.65		
15	A H 0727	Mai Thị Như	Thảo	26/10/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	T.Anh	Hóa		5.250	7.000	7.400	4.300	28.250	5.65		
16	A T 0670	Võ Thị Ngọc	Quyên	23/08/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	T.Anh	Toán		3.500	8.000	7.700	4.400	28.000	5.60		
17	A V 0435	Hoàng Thị Kim	Mai	04/08/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	T.Anh	Văn		6.250	5.250	8.300	4.100	28.000	5.60		
18	A V 0199	Nguyễn Thị Thu	Hải	03/09/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	T.Anh	Văn		5.250	3.500	8.700	4.800	27.050	5.41		
19	A L 0984	Trần Hoàng	Vũ	24/04/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	T.Anh	Lý		5.500	6.250	7.200	4.000	26.950	5.39		
20	A K 0566	Võ Thị Hạnh	Nhơn	13/11/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	T.Anh	/		4.000	4.500	8.400	4.800	26.500	5.30		
21	V A 0626	Đinh Thị Thu	Phương	10/06/1995	Long Khánh - Đồng Nai	Giỏi	Tốt	Giỏi	Văn	T.Anh		6.000	4.250	7.400	4.300	26.250	5.25		
22	A K 0965	Nguyễn Phan Triệu	Vĩ	29/04/1995	An Khê - Gia Lai	Khá	Tốt	Khá	T.Anh	/		4.000	4.500	8.700	4.400	26.000	5.20		
23	A T 0957	Lê Thị Thúy	Vi	01/03/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	T.Anh	Toán		4.750	4.000	8.100	4.400	25.650	5.13		
24	A K 0404	Phạm Thị Ngọc	Linh	21/06/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	T.Anh	/		4.500	4.250	8.300	4.200	25.450	5.09		
25	A L 0464	Trần Nhật	Nam	01/08/1995	Đ. Nhơn - Bình Định	Giỏi	Tốt	Giỏi	T.Anh	Lý		4.000	5.000	7.800	4.000	24.800	4.96		

Tổng cộng danh sách này có 25 học sinh

Pleiku, ngày 12 tháng 07 năm 2010

DUYỆT CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

HIỆU TRƯỞNG

KÌ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 CHUYÊN, NĂM HỌC 2010 - 2011
KHÓA NGÀY 23/06/2010

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN MÔN TIẾNG ANH (ĐỢT 4)

ST T	Số báo danh	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh		X. loại lớp 9		XL TN	NV1	NV2	Điểm KK (nếu có)	Điểm thi				Tổng điểm thi	Điểm TB	Ghi chú (Diện KK)
					(Huyện (Quận), tỉnh (thành phố))	Học lực	Hạnh kiểm	Môn		Môn	Văn		Toán	Tiếng Anh	Môn Chuyên				
1	A H 0473	Bùi Thanh	Ngân	13/08/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	T.Anh	Hóa		2.750	6.250	9.000	4.600	27.200	5.44		
2	A V 0243	Phạm Thị Thanh	Hiền	16/07/1995	ChuPrông- Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	T.Anh	Văn		5.500	2.750	7.600	4.000	23.850	4.77		
3	A V 0200	Phan Ngọc	Hải	10/09/1995	Pleiku - Gia Lai	Giỏi	Tốt	Giỏi	T.Anh	Văn		4.500	2.500	8.600	4.100	23.800	4.76		

Tổng cộng danh sách này có 03 học sinh

Pleiku, ngày 12 tháng 07 năm 2010

DUYỆT CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

HIỆU TRƯỞNG